

THỰC HÀNH CÁC PHÉP TU TỪ : PHÉP ĐIỆP VÀ PHÉP ĐỐI

A - MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

- Củng cố và nâng cao kiến thức về phép điệp và phép đối trong việc sử dụng tiếng Việt.
- Có kĩ năng nhận diện, phân tích cấu tạo và tác dụng của hai phép tu từ trên và có khả năng sử dụng được các phép tu từ đó khi cần thiết.
- Thấy được vẻ đẹp của tiếng Việt để yêu quý, tôn trọng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

B - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I - NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Kiểu bài luyện tập này được chia ra ba bước : nhận biết, phân tích và ghi nhớ.

a) *Luyện tập nhận biết* : Các phép tu từ trong một chuỗi lời nói khá nhiều, nhận biết là một năng lực quan trọng đối với HS, là bước đầu để phân tích, từ đó mới đưa ra những đánh giá có căn cứ.

Muốn HS nhận biết thì phải hướng dẫn các thao tác và các dấu hiệu nhận biết qua các câu hỏi (a), (b) mục I.1 và câu hỏi (a) mục II.1.

b) *Luyện tập phân tích* : Sau nhận biết là câu hỏi phân tích. Muốn HS phân tích đúng thì phải hướng dẫn các thao tác : đối chiếu, so sánh (các ngữ liệu đã dẫn ở mục II.2 và câu hỏi (b) phần II.1).

c) *Luyện tập ghi nhớ, sáng tạo* : Thao tác này hướng vào việc giải quyết các bài tập và tìm ví dụ (câu (c) mục I.1 và bài tập 2 mục I, bài tập 3 mục II). Nếu có thời gian, GV có thể cho những em tiếp thu chậm nêu lại khái niệm về phép điệp và phép đối để kiểm tra trí nhớ HS ngay trên lớp học.

2. Trọng tâm bài học

Đơn vị kiến thức : Có hai đơn vị kiến thức là *Luyện tập về phép điệp (điệp ngữ)* và *Luyện tập về phép đối*. GV hướng dẫn cho HS tự nhận biết và phân tích để rút ra định nghĩa :

a) *Phép điệp* là biện pháp tu từ lặp lại một yếu tố diễn đạt (vần, nhịp, từ, cụm từ, câu) nhằm nhấn mạnh, biểu đạt cảm xúc và ý nghĩa, có khả năng gợi hình tượng nghệ thuật.

b) *Phép đối* là cách xếp đặt từ ngữ, cụm từ và câu ở vị trí cân xứng nhau để tạo hiệu quả giống nhau hoặc trái ngược nhau nhằm mục đích gọi ra một vẻ đẹp hoàn chỉnh và hài hoà trong diễn đạt nhằm diễn đạt một ý nghĩa nào đó.

Cần chú ý là không phải cách điệp hay đối nào cũng có giá trị tu từ. Chỉ khi nào người viết có dụng ý nhấn mạnh cảm xúc hoặc gọi hình ảnh, và dụng ý đó người đọc có thể tiếp nhận thì cách biểu đạt đó mới thực sự là những phép đối tu từ.

II - PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Luyện tập nhận biết

Nhận biết về phép điệp và phép đối không khó nhưng cũng phải qua các thao tác sau đây :

– Đọc – hiểu.

– Mô hình hoá : Nếu gọi a là một nhân tố của phép điệp trong chuỗi lời nói, ta có thể ghi nhận :

$a + a + b + c + d + e...$

Ví dụ :

Chiều, chiều rồi...

(Thạch Lam)

Một buổi chiều, một buổi chiều êm như một giấc mơ...

(Khái Hưng)

hay :

$a + b + c + a + d + e...$

Ví dụ :

Gió đánh cành tre, gió đập cành tre

Chiếc thuyền anh vẫn le te đợi nàng.

(Ca dao)

Chú ý : Cần có mô hình hoá vì điệp từ, điệp câu thì dễ nhận ra nhưng điệp vần trong một câu, điệp thanh điệu thì thường bị bỏ qua.

– Cho HS phát biểu định nghĩa về phép điệp. Chú ý phân biệt phép điệp tu từ với những lỗi lặp (lặp không chủ ý).

– Về phép đối, cũng theo trật tự như trên.

Mô hình của phép đối sẽ là :

+ Đối trong một câu : $A + B + C \mid A' + B' + C'$

Ví dụ :

Làn thu thuỷ / nét xuân sơn...

(Nguyễn Du)

+ Đối giữa hai câu : A + B + C...
A' + B' + C'...

Ví dụ :

*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.*

(Nguyễn Khuyến)

A và A', B và B', C và C' : tương đương về vị trí, nhưng có thể tương đương hoặc đối về thanh điệu, về từ vựng hoặc nghĩa của từ.

Từ sự nhận biết, GV hướng dẫn HS phát biểu định nghĩa phép đối.

2. Luyện tập phân tích

– Lấy hai câu có cùng một nội dung ý nghĩa, nhưng cách biểu đạt khác nhau.
– Sử dụng thao tác đối chiếu phép điệp và phép đối với câu không có màu sắc tu từ (câu trung tính) để rút ra những nhận xét như sau :

– Phép điệp gợi ra những hiệu quả :

+ Tạo âm hưởng ;

+ Nhấn mạnh ý nghĩa ;

+ Khiến người đọc dễ nhớ.

– Phép đối gợi ra những hiệu quả :

+ Sự phong phú về ý nghĩa (tương đồng và tương phản) ;

+ Sự thống nhất, hài hoà về âm thanh ;

+ Sự cân đối trong xếp đặt, có vẻ đẹp cân xứng của ý nghĩa và âm thanh ;

+ Tính hoàn chỉnh và dễ ghi nhớ.

3. Luyện tập ghi nhớ, sáng tạo

Cần cho HS tìm được càng nhiều ví dụ càng tốt.

Riêng với phép đối, GV có thể ra câu đối cho HS cùng đối, bài luyện tập sẽ rất sinh động.

Với các trường học ở nông thôn và miền núi, cần lấy những ví dụ gần gũi với HS, luyện cho HS cách dùng phép điệp và phép đối có ý nghĩa tu từ, giờ học sẽ sinh động, không khô khan, nặng nề.

III - KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

– Đánh giá kiến thức qua việc trả lời các câu hỏi đúng hay sai.

– Đánh giá kĩ năng qua việc biết phân tích theo các thao tác.

2. Gợi ý giải bài tập

Bài tập 2 (mục I)

a) Loại điệp từ không có màu sắc tu từ có thể thấy xuất hiện phổ biến ở các bài văn, trong đó chỉ nhằm diễn đạt cho rõ ý. Chẳng hạn : “Tim anh ta đập nhanh hơn và anh ta ăn nhiều bữa hơn, uống nhiều rượu vang hơn và đọc sách nhiều hơn”. (Theo *Ngữ văn 10*, tập hai, tr. 63)

- b)
- Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân !*

(Truyện Kiều)

c) Yêu cầu của bài tập này là làm cho HS phân biệt phép điệp có màu sắc tu từ (gợi hình, gợi cảm) với cách viết trùng lặp cốt để làm rõ ý, hoặc phải viết đầy đủ các thành phần cho đúng ngữ pháp, hoặc do vô tình mà lặp lại không cần thiết.

Bài tập 3 (mục II)

a) Gợi ý :

– Ví dụ kiểu đối thanh (trắc đối bằng) :

Chim có tổ (trắc) / người có tông (bằng).

(Tục ngữ)

– Kiểu đối về nghĩa :

Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.

(Tục ngữ)

– Kiểu đối từ loại (tính từ đối tính từ, danh từ đối danh từ,...) :

Chó treo mèo dầy.

(Tục ngữ)

IV - TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Trọng Lạc, *Phong cách học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002.
2. Đinh Trọng Lạc – Nguyễn Thái Hoà, *Phong cách học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002.
3. Đinh Trọng Lạc, *99 phương tiện và biện pháp tu từ*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.
4. Tạ Phong Châu, *Câu đối Việt Nam*, NXB Văn Sử Địa, Hà Nội, 1959.